

Số: /2023/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật đo lường;

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương.

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 08 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05 tháng 07 năm 2019 của của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô (sau đây viết tắt là Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT)

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2, điểm c khoản 2, sửa đổi đoạn cuối của khoản 3 và bổ sung khoản 5 Điều 5

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 5 như sau:

“a) Cơ sở thiết kế lập hồ sơ thiết kế theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cơ quan QLCL. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính thì hồ sơ bao gồm: 01 hồ sơ thiết kế theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và 01 tài liệu (hoặc 02 nếu cơ sở thiết kế khác cơ sở sản xuất) theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 của Thông tư này. Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến thì hồ sơ thiết kế để nộp là hồ sơ điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 5 như sau:

“c) Cơ quan QLCL kiểm tra đối chiếu các nội dung của hồ sơ thiết kế ô tô với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô trong 10 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu;

Nếu hồ sơ thiết kế ô tô có các nội dung chưa đạt yêu cầu thì Cơ quan QLCL thông báo nội dung chưa đạt yêu cầu (bằng hình thức trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác) để Cơ sở thiết kế bổ sung, sửa đổi hồ sơ theo quy định. Cơ sở thiết kế có trách nhiệm bổ sung hoàn thiện hồ sơ thiết kế trong vòng 30 ngày kể từ ngày ra thông báo. Khi cơ sở thiết kế bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Cơ quan QLCL tiến hành thẩm định lại hồ sơ thiết kế theo quy định. Quá thời hạn nêu trên, Cơ quan QLCL sẽ dừng việc thẩm định hồ sơ thiết kế. Để tiếp tục thực hiện việc thẩm định hồ sơ thiết kế ô tô, cơ sở thiết kế phải tiến hành đăng ký lại từ đầu;”.

c) Bổ sung vào đoạn cuối của khoản 3 Điều 5 như sau:

“Trình tự và cách thức thực hiện như theo quy định khoản 2 Điều này.”

d) Bổ sung khoản 5 Điều 5 như sau:

“5. Giấy chứng nhận, bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và các bản vẽ kỹ thuật được cấp lại trong các trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi nội dung thông tin về

tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận. Để được cấp cấp lại, doanh nghiệp nộp đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo các tài liệu gồm Bản gốc Giấy chứng nhận, bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và các bản vẽ kỹ thuật đã được cấp (không áp dụng đối với trường hợp cấp lại do mất; nộp bản gốc chỉ áp dụng đối với trường hợp được cấp bản giấy), Bản sao có xác thực của doanh nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp) và gửi tới Cơ quan QLCL để xem xét thực hiện cấp lại theo tình tự và cách thức nêu tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 7 như sau:

“đ) Bản thống kê các tổng thành, hệ thống sản xuất trong nước và nhập khẩu dùng để sản xuất, lắp ráp ô tô theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này và kèm theo một trong các tài liệu tương ứng đối với từng linh kiện (trừ động cơ) thuộc đối tượng phải kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận theo quy định như sau: Bản sao Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường kiểu loại linh kiện (còn hiệu lực) được cấp bởi Cơ quan QLCL; hoặc Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường linh kiện nhập khẩu theo quy định của Nghị định 60/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 08 năm 2023 của Chính phủ quy định về việc kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô nhập khẩu và linh kiện nhập khẩu theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thông báo miễn kiểm tra linh kiện theo Nghị định 60/2023/NĐ-CP) thể hiện linh kiện được chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn UNECE phiên bản tương đương hoặc cao hơn so với phiên bản UNECE quy định trong quy chuẩn quốc gia áp dụng cho linh kiện được sử dụng để sản xuất, lắp ráp kiểu loại xe; hoặc bản sao văn bản xác nhận của nhà sản xuất linh kiện nước ngoài kèm theo các tài liệu kết quả chứng nhận sự phù hợp về chất lượng của các kiểu loại linh kiện nhập khẩu theo quy định tại các thỏa thuận từ các quốc gia, vùng lãnh thổ mà Việt Nam ký kết thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực chứng nhận xe cơ giới; hoặc bản sao văn bản xác nhận của đại diện hợp pháp tại Việt Nam của nhà sản xuất linh kiện nước ngoài kèm theo bản sao Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường kiểu loại linh kiện (còn hiệu lực) được cấp bởi Cơ quan QLCL. ”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 9 như sau:

“c) Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong thời hạn 07 ngày làm việc. Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ thì thông báo để Cơ sở sản xuất bổ sung, hoàn thiện theo quy định. Trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP thì Cơ quan QLCL thống nhất với Cơ sở sản xuất về thời gian, địa điểm thực hiện; nội dung và phương thức đánh giá thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 8 của Thông tư này; kết quả sau khi kết thúc việc đánh giá COP

sẽ được thông báo cho doanh nghiệp. Trường hợp có nội dung chưa phù hợp cần bổ sung, sửa đổi và khắc phục, doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung, khắc phục và hoàn thiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo. Khi doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hoặc khắc phục, Cơ quan QLCL tiến hành kiểm tra, đánh giá lại theo quy định. Quá thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không thực hiện bổ sung, sửa đổi và khắc phục, Cơ quan QLCL dừng thực hiện kiểm tra đánh giá hồ sơ hoặc đánh giá COP; để tiếp tục thực hiện, doanh nghiệp phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Cơ sở sản xuất phải đảm bảo về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các sản phẩm xuất xưởng và thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật. Các sản phẩm chỉ được xuất xưởng, cấp phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe ô tô khi cơ sở sản xuất tuân thủ các quy định tại Thông tư này về việc đảm bảo chất lượng sản phẩm, chứng nhận định kỳ, bổ sung Giấy chứng nhận (nếu có) và khi: Giấy chứng nhận của linh kiện còn hiệu lực hoặc Thông báo miễn kiểm tra linh kiện theo Nghị định 60/2023/NĐ-CP còn hiệu lực hoặc trường hợp Thông báo miễn kiểm tra linh kiện Nghị định 60/2023/NĐ-CP, Giấy chứng nhận linh kiện hết hiệu lực thì các linh kiện sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe phải được mua, nhập khẩu hoặc sản xuất, lắp ráp trước thời gian hết hiệu lực của Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường linh kiện nhập khẩu theo quy định của Nghị định 60/2023/NĐ-CP hoặc Giấy chứng nhận linh kiện.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 11 như sau:

“c) Cơ quan QLCL kiểm tra, đánh giá nội dung hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc, nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và có kết quả đánh giá COP phù hợp thì cấp lại Giấy chứng nhận trong thời hạn 02 ngày làm việc đối với trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận; hoặc trong thời hạn 03 ngày đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do hết hiệu lực.”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 12 như sau:

“c) Cơ quan QLCL kiểm tra, đánh giá nội dung hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc, nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và có kết quả đánh giá COP phù hợp thì cấp Giấy chứng nhận mở rộng trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ; trường hợp bổ sung hồ sơ thì ghi nhận và bổ sung các nội dung thay đổi vào hồ sơ đăng ký chứng nhận của kiểu loại sản phẩm đã cấp. Nếu có các nội dung không hợp lệ thì cơ quan QLCL thông báo cho Cơ sở sản xuất để hoàn thiện.”.

7. Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu khoản 1, bổ sung điểm d khoản 1, điểm c khoản 2 và khoản 4 của Điều 13

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu khoản 1 Điều 13 như sau:

“Cơ quan QLCL thông báo bằng văn bản tới Cơ sở sản xuất yêu cầu tạm dừng xuất xưởng và tạm dừng cấp phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của kiểu loại sản phẩm (tạm dừng xuất xưởng) nếu có lỗi vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau đây:”.

b) Bổ sung điểm d khoản 1 Điều 13 như sau

“d) Không lập đầy đủ hồ sơ cho ô tô xuất xưởng theo quy định tại khoản 4 Điều 10 của Thông tư này; có các vi phạm quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền;”.

c) Bổ sung điểm c khoản 2 Điều 13 như sau

“c) Không hợp tác, cố tình che giấu thông tin, cung cấp thông tin không trung thực trong quá trình xác minh lỗi vi phạm, lỗi của sản phẩm có khuyết tật; không thực hiện triệu hồi các sản phẩm có khuyết tật thuộc từ 02 kiểu loại sản phẩm trở lên theo yêu cầu của Cơ quan QLCL.”.

d) Bổ đoạn “Nếu doanh nghiệp có nhu cầu tiếp tục sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu kiểu loại sản phẩm bị thu hồi Giấy chứng nhận thì phải thực hiện thẩm định lại thiết kế và chứng nhận lại như đối với sản phẩm mới.” nêu tại khoản 4 Điều 13.

8. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 16 như sau:

“đ) Định kỳ trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, cơ sở sản xuất phải báo cáo kết quả thực hiện của các chương trình triệu hồi sản phẩm đang thực hiện tới Cơ quan QLCL theo mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này. Sau thời gian không quá 30 ngày kể từ khi kết thúc việc triệu hồi, Cơ sở sản xuất phải báo cáo bằng văn bản về kết quả thực hiện triệu hồi tới Cơ quan QLCL.”.

9. Bổ sung khoản 10 Điều 17 như sau:

“10. Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện triệu hồi của Cơ sở sản xuất để theo dõi việc thực hiện triệu hồi của Cơ sở sản xuất theo kế hoạch triệu hồi đã công bố.”.

10. Thay thế Phụ lục IV của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT bằng Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này; bổ sung Phụ lục XII vào Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT tương ứng Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Điều của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe cơ giới (sau đây viết tắt là Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT) và Thông tư số 54/2014/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong

sản xuất, lắp ráp xe cơ giới (sau đây viết tắt là Thông tư số 54/2014/TT-BGTVT) và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT)

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5, điểm d khoản 6 và bổ sung khoản 7 Điều 5 của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 5 như sau:

“a) Trường hợp có thay đổi, bổ sung thiết kế sản phẩm so với hồ sơ thiết kế đã được thẩm định thì Cơ sở sản xuất hoặc Cơ sở thiết kế sản phẩm đó phải có văn bản và hồ sơ thiết kế bổ sung, sửa đổi đề nghị Cơ quan QLCL thẩm định nội dung bổ sung, sửa đổi đó theo trình tự và cách thức thực hiện nêu tại khoản 6 Điều này.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 6 Điều 5 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT như sau:

“d) Thời hạn giải quyết: Thẩm định nội dung thiết kế được thực hiện trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ thành phần hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ thiết kế có kết quả thẩm định đạt yêu cầu (hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu), Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu.

Trường hợp hồ sơ thiết kế có nội dung cần bổ sung, sửa đổi, Cơ sở thiết kế có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thiết kế trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông báo. Khi cơ sở thiết kế bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Cơ quan QLCL thực hiện thẩm định lại hồ sơ theo quy định. Quá thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không thực hiện bổ sung, sửa đổi, Cơ quan QLCL sẽ dừng việc thẩm định hồ sơ thiết kế; để tiếp tục thực hiện việc thẩm định hồ sơ thiết kế, Cơ sở thiết kế phải tiến hành nộp hồ sơ lại từ đầu.”.

c) Bổ sung khoản 7 Điều 5 như sau:

“7. Giấy chứng nhận, bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và các bản vẽ kỹ thuật được cấp lại trong các trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận. Để được cấp cấp lại, doanh nghiệp có văn bản đề nghị cấp lại kèm theo các tài liệu gồm Bản gốc Giấy chứng nhận, bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và các bản vẽ kỹ thuật đã được cấp (không áp dụng đối với trường hợp cấp lại do mất; nộp bản gốc chỉ áp dụng đối với trường hợp được cấp bản giấy), Bản sao có xác thực của doanh nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp) và gửi tới Cơ quan QLCL để xem xét thực hiện cấp lại theo trình tự và cách thức thực hiện nêu tại khoản 6 Điều này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT như sau:

“2. Cơ sở thử nghiệm tiến hành thử nghiệm mẫu điển hình theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành của Bộ Giao thông vận tải đối với xe cơ giới; lập báo cáo kết quả thử nghiệm và chịu trách nhiệm về các kết quả thử nghiệm của mình. Trường hợp cần phải trực tiếp cùng đánh giá các hạng mục quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định, đánh giá quá trình thực hiện kiểm tra, thử nghiệm sản phẩm để làm căn cứ xác nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của kiểu loại sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định, Cơ quan QLCL thực hiện giám sát trực tiếp việc thử nghiệm sản phẩm tại cơ sở thử nghiệm.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 54/2014/TT-BGTVT như sau:

“c) Có nhân viên kiểm tra đáp ứng được nghiệp vụ kiểm tra chất lượng và khả năng sử dụng trang thiết bị kiểm tra trong công đoạn sản xuất, kiểm tra chất lượng xuất xưởng sản phẩm.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 54/2014/TT-BGTVT như sau:

“b) *Đánh giá hàng năm* (chu kỳ thực hiện 12 tháng đối với các kỳ đánh giá tiếp theo) được thực hiện định kỳ hàng năm để kiểm tra việc duy trì việc đảm bảo chất lượng tại Cơ sở sản xuất. Kiểm tra việc lưu trữ hồ sơ kiểm tra sản phẩm, sự phù hợp của sản phẩm xuất xưởng so với các chỉ tiêu chất lượng đăng ký trong hồ sơ kiểm tra sản phẩm và việc quản lý, sử dụng Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng được thực hiện theo phương thức kiểm tra xác suất. Việc mở rộng phạm vi kiểm tra, đánh giá được xem xét thực hiện khi có sự không phù hợp trong quá trình sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng.”.

4. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 3 của điểm a khoản 2 Điều 9 của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT như sau:

“- Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong thời hạn 07 ngày làm việc. Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ thì thông báo để doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện theo quy định. Trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP thì Cơ quan QLCL thống nhất với doanh nghiệp về thời gian, địa điểm thực hiện; nội dung và phương thức đánh giá thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 8 của Thông tư này; kết quả sau khi kết thúc việc đánh giá COP sẽ được thông báo cho doanh nghiệp. Trường hợp có nội dung chưa phù hợp cần bổ

sung, sửa đổi và khắc phục, doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung, khắc phục và hoàn thiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo. Khi doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hoặc khắc phục, Cơ quan QLCL tiến hành kiểm tra, đánh giá lại theo quy định. Quá thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không thực hiện bổ sung, sửa đổi và khắc phục, Cơ quan QLCL dừng thực hiện kiểm tra đánh giá hồ sơ hoặc đánh giá COP; để tiếp tục thực hiện, doanh nghiệp phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 54/2014/TT-BGTVT như sau:

“1. Sau khi sản phẩm được cấp giấy chứng nhận, Cơ sở sản xuất tiến hành sản xuất hàng loạt, kiểm tra chất lượng trong suốt quá trình sản xuất, lắp ráp cho từng sản phẩm và phải đảm bảo các sản phẩm này đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với hồ sơ kiểm tra sản phẩm và mẫu điển hình đã được chứng nhận. Cơ sở sản xuất chỉ được xuất xưởng sản phẩm, cấp phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng cho xe cơ giới khi tuân thủ các quy định tại Thông tư này về việc đảm bảo chất lượng sản phẩm, đánh giá kiểu loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận.”.

6. Sửa đổi, bổ sung đoạn cuối của khoản 3 và bổ sung khoản 6 Điều 11 của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn cuối của khoản 3 Điều 11 của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 54/2014/TT-BGTVT như sau:

“Cơ quan QLCL sẽ tiếp nhận, kiểm tra các tài liệu bổ sung để đánh giá nội dung hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận theo trình tự, cách thức nêu tại Điều 9 của Thông tư này. Trường hợp sản phẩm có sự thay đổi kết cấu, bố trí và loại thiết bị lắp đặt trên xe ảnh hưởng đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kiểu loại sản phẩm đã chứng nhận, so với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc có các thay đổi làm thay đổi thông số in trên Giấy chứng nhận đã cấp thì Giấy chứng nhận được cấp được căn cứ trên Giấy chứng nhận của kiểu loại xe thay đổi; các trường hợp khác thì ghi nhận, bổ sung các nội dung thay đổi đối với kiểu loại sản phẩm đã cấp.”.

d) Bổ sung khoản 6 Điều 11 của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT như sau:

“6. Giấy chứng nhận được cấp lại trong các trường hợp bị mất, hỏng hoặc có sự thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận, Cơ sở sản xuất nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua hình thức khác các tài liệu liên quan đến việc đề nghị cấp lại giấy chứng nhận. Cơ quan QLCL sẽ tiếp nhận, kiểm tra các tài

liệu để cấp lại Giấy chứng nhận theo trình tự và cách thức nêu tại Điều 9 của Thông tư này.”.

7. Thay thế Phụ lục IV, VII, IX của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT bằng Phụ lục 2, Phụ lục 3 và Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Điều của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT ngày 25 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy (sau đây viết tắt là Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT) và Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT) và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT)

1. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT

“b) Trường hợp cần phải trực tiếp cùng đánh giá các hạng mục quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định, đánh giá quá trình thực hiện kiểm tra, thử nghiệm sản phẩm để làm căn cứ xác nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của kiểu loại sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định, Cơ quan QLCL thực hiện giám sát trực tiếp việc thử nghiệm sản phẩm tại cơ sở thử nghiệm.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 6 như sau:

“c) Có nhân viên kiểm tra đáp ứng được nghiệp vụ kiểm tra chất lượng và khả năng sử dụng trang thiết bị kiểm tra trong công đoạn sản xuất, kiểm tra chất lượng xuất xưởng sản phẩm.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a và b khoản 2 Điều 6 như sau:

“a) *Đánh giá lần đầu* được thực hiện trước khi cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho kiểu loại sản phẩm mới lần đầu sản xuất, lắp ráp tại cơ sở sản xuất theo các nội dung nêu tại khoản 1 Điều này.

b) *Đánh giá hàng năm* (chu kỳ thực hiện 12 tháng đối với các kỳ đánh giá tiếp theo) được thực hiện định kỳ hàng năm để kiểm tra việc duy trì việc đảm bảo chất lượng tại Cơ sở sản xuất. Kiểm tra việc lưu trữ hồ sơ kiểm tra sản phẩm, sự phù hợp của sản phẩm xuất xưởng so với các chỉ tiêu chất lượng đăng ký trong hồ sơ kiểm tra sản phẩm và việc quản lý, sử dụng Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng được thực hiện theo phương thức kiểm tra xác suất. Việc mở rộng phạm vi kiểm

tra, đánh giá được xem xét thực hiện khi có sự không phù hợp trong quá trình sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT đã được đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT như sau:

“3. Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong thời hạn 07 ngày làm việc. Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ thì thông báo để doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện theo quy định. Trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP thì Cơ quan QLCL thống nhất với doanh nghiệp về thời gian, địa điểm thực hiện; nội dung và phương thức đánh giá thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 6 của Thông tư này; kết quả sau khi kết thúc việc đánh giá COP sẽ được thông báo cho doanh nghiệp. Nếu đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tương ứng được quy định tại Phụ lục VIIa và VIIb ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể sau từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu.

Trường hợp có nội dung chưa phù hợp cần bổ sung, sửa đổi và khắc phục, doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung, khắc phục và hoàn thiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo. Khi doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hoặc khắc phục, Cơ quan QLCL tiến hành kiểm tra, đánh giá lại theo quy định. Quá thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không thực hiện bổ sung, sửa đổi và khắc phục, Cơ quan QLCL dừng thực hiện kiểm tra đánh giá hồ sơ hoặc đánh giá COP; để tiếp tục thực hiện, doanh nghiệp phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8, sửa đổi gạch đầu dòng thứ 2 thuộc điểm a khoản 3 Điều 8, khoản 7 Điều 8 và bổ sung khoản 8 Điều 8 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT

a) Sửa đổi khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:

“1. Cơ sở sản xuất chỉ được tiến hành sản xuất, lắp ráp, xuất xưởng và cấp phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng cho các sản phẩm tiếp theo sau khi đã được cấp Giấy chứng nhận cho kiểu loại sản phẩm và tuân thủ các quy định tại Thông tư này về việc đảm bảo chất lượng sản phẩm, đánh giá hàng năm, đánh giá bổ sung Giấy chứng nhận và phải đảm bảo các sản phẩm này đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận, mẫu điển hình đã được thử nghiệm của kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận chất lượng. Cơ sở sản xuất phải chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các sản phẩm xuất xưởng.”

b) Sửa đổi gạch đầu dòng thứ 2 thuộc điểm a khoản 3 Điều 8 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:

“- Cơ sở sản xuất có một trong các lỗi vi phạm nêu tại khoản 4 Điều 10 của Thông tư này hoặc trường hợp sau mỗi đợt giám sát có kết quả thể hiện chất lượng sản phẩm không ổn định hoặc vẫn có các vi phạm, không tuân thủ quy định nêu tại Thông tư này trong đợt giám sát.”.

c) Sửa đổi khoản 7 Điều 8 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:

“7. Cơ sở sản xuất có trách nhiệm lập và cấp cho từng xe xuất xưởng 01 hồ sơ sau đây:

a) Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định tại khoản 6 Điều này;

b) Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt trong đó có thể hiện thông số kỹ thuật cơ bản của xe và hướng dẫn sử dụng xe;

c) Sổ bảo hành hoặc phiếu bảo hành sản phẩm bằng tiếng Việt trong đó ghi rõ điều kiện bảo hành và tên, địa chỉ các cơ sở bảo hành, bảo dưỡng.”.

d) Bổ sung khoản 8 Điều 8 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:

“8. Cơ sở sản xuất không sử dụng khung xe, động cơ có số khung, số động cơ bị tẩy xóa, đục sửa và đóng lại để sản xuất, lắp ráp thành xe. Trường hợp số khung, số động cơ đóng trong nước bị lỗi do thao tác của nhân viên hoặc bị mờ, khó đọc thì giữ nguyên hiện trạng số đã đóng sai và thông báo bằng văn bản tới Cơ quan QLCL để được xem xét, đóng lại.”.

5. Bãi bỏ Điều 9 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, bổ sung điểm d và đ khoản 3, bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 10 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung trích dẫn đầu tiên của khoản 2 Điều 10 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:

“2. Cơ sở sản xuất phải tiến hành các thủ tục chứng nhận bổ sung khi các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận thay đổi hoặc khi sản phẩm có các thay đổi ảnh hưởng tới sự phù hợp của kiểu loại sản phẩm đó so với quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Cơ sở sản xuất phải nộp hồ sơ bổ sung và gửi tới Cơ quan QLCL để được tiếp nhận, kiểm tra và đánh giá nội dung hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận theo trình tự và cách thức nêu tại Điều 7 của Thông tư này. Trường hợp sản phẩm có sự thay đổi kết cấu, bố trí trên xe không ảnh hưởng đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kiểu loại sản phẩm đã chứng nhận, so với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc không làm thay đổi thông số in trên Giấy chứng nhận đã cấp thì chỉ ghi nhận, bổ sung các nội dung thay đổi đối với kiểu loại sản phẩm đã cấp đã được cấp Giấy chứng nhận. Hồ sơ bổ sung bao gồm các tài liệu sau:”

b) Bổ sung điểm d và đ khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:

“d) Cơ sở sản xuất giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật hoặc Cơ sở sản xuất giả mạo các tài liệu, khai báo không đúng các thông tin liên quan ảnh hưởng đến chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của sản phẩm trong hồ sơ đăng ký chứng nhận của kiểu loại sản phẩm.

đ) Kiểu loại sản phẩm bị tạm dừng xuất xưởng quá 06 tháng theo quy định tại khoản 4 Điều này mà Cơ sở sản xuất vẫn không khắc phục được lỗi vi phạm.”.

c) Bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 10 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:

“4. Tạm dừng xuất xưởng của kiểu loại sản phẩm

Cơ quan QLCL thông báo bằng văn bản yêu cầu cơ sở sản xuất tạm dừng xuất xưởng và tạm dừng cấp phiêu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe (tạm dừng xuất xưởng) đối với kiểu loại sản phẩm vi phạm nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở sản xuất vi phạm một trong các lỗi sau: không duy trì việc đảm bảo chất lượng theo quy định; không thực hiện đầy đủ việc kiểm tra chất lượng sản phẩm theo quy trình và hướng dẫn kiểm tra chất lượng của cơ sở sản xuất đã ban hành; quản lý và sử dụng Phiếu xuất xưởng không đúng quy định; không lập đầy đủ hồ sơ xuất xưởng cho sản phẩm theo quy định;

b) Sản phẩm xuất xưởng không đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, không phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng và mẫu điển hình của kiểu loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận;

c) Vi phạm quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền; không phối hợp trong việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đột xuất, xác minh lỗi của sản phẩm;

d) Cơ sở sản xuất tự ý tẩy xóa, đục sửa, đóng lại số khung, số động cơ của xe sản xuất, lắp ráp và không báo cáo tới Cơ quan QLCL.

Trường hợp lỗi vi phạm thuộc lỗi liên quan đến việc đảm bảo chất lượng, quản lý và sử dụng phiếu kiểm tra chất lượng chung cho tất cả các kiểu loại sản phẩm hoặc các kiểu loại sản phẩm tương tự (có sự giống nhau cơ bản về quy trình công nghệ sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng), Cơ quan QLCL yêu cầu tạm dừng xuất xưởng đối với tất cả kiểu loại sản phẩm hoặc các kiểu loại sản phẩm tương tự đã được cấp Giấy chứng nhận.

Trong thời gian bị tạm dừng xuất xưởng, Cơ sở sản xuất không được thực hiện xuất xưởng, cấp phiếu kiểm tra chất lượng cho sản phẩm của kiểu loại đang bị tạm dừng để đưa ra thị trường, phải thực hiện khắc phục các lỗi vi phạm. Cơ quan

QLCL sẽ xem xét, kiểm tra sau khi Cơ sở sản xuất thông báo về việc đã khắc phục các lỗi vi phạm; nếu các lỗi vi phạm đã được khắc phục thì Cơ quan QLCL hủy bỏ việc tạm dừng xuất xưởng và thông báo bằng văn bản cho Cơ sở sản xuất; nếu quá 06 tháng kể từ khi thông báo tạm đình chỉ mà Cơ sở sản xuất vẫn chưa khắc phục được các lỗi vi phạm thì Giấy chứng nhận đã cấp cho kiểu loại sản phẩm sẽ bị thu hồi theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này.

5. Cấp lại Giấy chứng nhận

Giấy chứng nhận được cấp lại trong các trường hợp bị mất, hỏng hoặc có sự thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận, Cơ sở sản xuất nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng thông tin điện tử hoặc qua hình thức khác các tài liệu liên quan đến việc đề nghị cấp lại giấy chứng nhận. Cơ quan QLCL sẽ tiếp nhận, kiểm tra các tài liệu đề cấp lại Giấy chứng nhận theo trình tự và cách thức nêu tại Điều 7 của Thông tư này.”.

7. Sửa đổi đoạn trích dẫn đầu tiên của khoản 1 Điều 12 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:

“Trường hợp sản phẩm đã xuất xưởng thuộc đối tượng phải triệu hồi nêu tại khoản 1 Điều 11, Cơ sở sản xuất thực hiện các công việc sau đây:”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:

“1. Trong trường hợp cần có thêm ý kiến đánh giá của các chuyên gia để đánh giá mức độ nguy hiểm của lỗi kỹ thuật liên quan đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe, Cơ quan QLCL tiến hành trưng cầu ý kiến các chuyên gia để đưa ra quyết định.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 15 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:

“4. Tổ chức kiểm tra theo định kỳ hoặc đột xuất đối với việc thực hiện đảm bảo chất lượng, sử dụng phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của Cơ sở sản xuất.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:

“3. Hợp tác đầy đủ với Cơ quan QLCL trong quá trình kiểm tra, đánh giá liên quan đến chất lượng sản phẩm, việc đảm bảo chất lượng sản phẩm và quản lý, sử dụng Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng.”.

11. Bổ sung nội dung “*Ghi chú: Việc trang bị từng thiết bị kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo danh mục nêu trên phải phù hợp với loại xe được sản xuất, lắp ráp tại cơ sở sản xuất.*” vào Phụ lục VI của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Điều của Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT ngày 13 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông đường bộ (sau đây viết tắt là Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT) và Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT) và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT như sau:

“2. Cơ sở sản xuất có trách nhiệm chuyên mẫu thử nghiệm tới địa điểm thử nghiệm. Cơ sở thử nghiệm có trách nhiệm thử nghiệm mẫu theo đúng các quy trình tương ứng với các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; lập báo cáo kết quả thử nghiệm theo mẫu quy định và chịu trách nhiệm về các kết quả thử nghiệm của mình. Trường hợp cần phải trực tiếp cùng đánh giá các hạng mục quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định, đánh giá quá trình thực hiện kiểm tra, thử nghiệm sản phẩm để làm căn cứ xác nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của kiểu loại sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định, Cơ quan QLCL thực hiện giám sát trực tiếp việc thử nghiệm sản phẩm tại cơ sở thử nghiệm.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 6 như sau:

“c) Có nhân viên kiểm tra đáp ứng được nghiệp vụ kiểm tra chất lượng và khả năng sử dụng trang thiết bị kiểm tra trong công đoạn sản xuất, kiểm tra chất lượng xuất xưởng sản phẩm.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 6 như sau:

“b) *Đánh giá hàng năm* (chu kỳ thực hiện 12 tháng đối với các kỳ đánh giá tiếp theo) được thực hiện định kỳ hàng năm để kiểm tra việc duy trì việc đảm bảo chất lượng tại Cơ sở sản xuất. Kiểm tra việc lưu trữ hồ sơ kiểm tra sản phẩm, sự phù hợp của sản phẩm xuất xưởng so với các chỉ tiêu chất lượng đăng ký trong hồ sơ kiểm tra sản phẩm và việc quản lý, sử dụng Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng được thực hiện theo phương thức kiểm tra xác suất. Việc mở rộng phạm vi kiểm tra, đánh giá được xem xét thực hiện khi có sự không phù hợp trong quá trình sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 của Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT như sau:

“3. Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong thời hạn 07 ngày làm việc. Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ thì thông báo để doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện theo quy định. Trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP thì Cơ quan QLCL thống nhất với doanh nghiệp về thời gian, địa điểm thực hiện; nội dung và phương thức đánh giá thực hiện theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư này; kết quả sau khi kết thúc việc đánh giá COP sẽ được thông báo cho doanh nghiệp. Nếu đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tương ứng được quy định tại Phụ lục VIIa và VIIb ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể sau từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu.

Trường hợp có nội dung chưa phù hợp cần bổ sung, sửa đổi và khắc phục, doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung, khắc phục và hoàn thiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo. Khi doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hoặc khắc phục, Cơ quan QLCL tiến hành kiểm tra, đánh giá lại theo quy định. Quá thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không thực hiện bổ sung, sửa đổi và khắc phục, Cơ quan QLCL dừng thực hiện kiểm tra đánh giá hồ sơ hoặc đánh giá COP; để tiếp tục thực hiện, doanh nghiệp phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu.”.

4. Sửa đổi khoản 1 Điều 8 và bổ sung bổ sung khoản 6 Điều 8 của Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT

a) Sửa đổi khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT như sau:

“1. Cơ sở sản xuất chỉ được tiến hành sản xuất, lắp ráp, xuất xưởng và cấp phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng cho xe tiếp theo sau khi đã được cấp Giấy chứng nhận cho kiểu loại xe và tuân thủ các quy định tại Thông tư này về việc đảm bảo chất lượng sản phẩm, đánh giá hàng năm, đánh giá bổ sung Giấy chứng nhận và phải đảm bảo các sản phẩm này các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường quy định tại Thông tư này, phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận, mẫu điển hình đã được thử nghiệm của kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận chất lượng. Cơ sở sản xuất phải chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các sản phẩm xuất xưởng.”.

b) Sửa đổi khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT như sau:

“2. Từng sản phẩm sản xuất hàng loạt phải được Cơ sở sản xuất kiểm tra chất lượng xuất xưởng (sau đây gọi tắt là kiểm tra xuất xưởng).

Cục Đăng kiểm Việt Nam có thể tiến hành kiểm tra đột xuất. Trường hợp kết quả kiểm tra đột xuất cho thấy Cơ sở sản xuất vi phạm các quy định liên

quan đến việc kiểm tra chất lượng sản phẩm thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị yêu cầu tạm dừng xuất xưởng của kiểu loại sản phẩm hoặc thu hồi Giấy chứng nhận.”.

c) Bổ sung bổ sung khoản 6 Điều 8 của Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT như sau:

“6. Cơ sở sản xuất không sử dụng khung xe, động cơ có số khung, số động cơ bị tẩy xóa, đục sửa và đóng lại để sản xuất, lắp ráp thành xe. Trường hợp số khung, số động cơ đóng trong nước bị lỗi do thao tác của nhân viên hoặc bị mờ, khó đọc thì giữ nguyên hiện trạng số đã đóng sai và thông báo bằng văn bản tới Cơ quan QLCL để được xem xét, đóng lại.”.

5. Sửa đổi, bổ sung đoạn trích dẫn đầu tiên của khoản 2 Điều 9, bổ sung điểm d và đ khoản 3 Điều 9 và bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 9 của Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn trích dẫn đầu tiên của khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Cơ sở sản xuất phải tiến hành các thủ tục chứng nhận bổ sung khi các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận thay đổi hoặc khi sản phẩm có các thay đổi ảnh hưởng tới sự phù hợp của kiểu loại sản phẩm đó so với quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Cơ sở sản xuất nộp hồ sơ bổ sung và gửi tới Cơ quan QLCL để được tiếp nhận, kiểm tra và đánh giá nội dung hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận theo trình tự và cách thức nêu tại Điều 7 của Thông tư này. Trường hợp sản phẩm có sự thay đổi kết cấu, bố trí trên xe không ảnh hưởng đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kiểu loại sản phẩm đã chứng nhận, so với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc không làm thay đổi thông số in trên Giấy chứng nhận đã cấp thì chỉ ghi nhận, bổ sung các nội dung thay đổi đối với kiểu loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận. Hồ sơ bổ sung bao gồm các tài liệu sau:”

b) Bổ sung điểm d và đ khoản 3 Điều 9 như sau:

“d) Cơ sở sản xuất giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật hoặc Cơ sở sản xuất giả mạo các tài liệu, khai báo không đúng các thông tin liên quan ảnh hưởng đến chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của sản phẩm trong hồ sơ đăng ký chứng nhận của kiểu loại sản phẩm.

đ) Kiểu loại sản phẩm bị tạm dừng xuất xưởng quá 06 tháng theo quy định tại khoản 4 Điều này mà Cơ sở sản xuất vẫn không khắc phục được lỗi vi phạm.”.

c) Bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 9 như sau:

“4. Tạm dừng xuất xưởng của kiểu loại sản phẩm

Cơ quan QLCL thông báo bằng văn bản yêu cầu cơ sở sản xuất tạm dừng xuất xưởng và tạm dừng cấp phiêu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe (tạm

dừng xuất xưởng) đối với kiểu loại sản phẩm vi phạm nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở sản xuất vi phạm một trong các lỗi sau: không duy trì việc đảm bảo chất lượng theo quy định; không thực hiện đầy đủ việc kiểm tra chất lượng sản phẩm theo quy trình và hướng dẫn kiểm tra chất lượng của cơ sở sản xuất đã ban hành; quản lý và sử dụng Phiếu xuất xưởng không đúng quy định; không lập đầy đủ hồ sơ xuất xưởng cho sản phẩm theo quy định;

b) Sản phẩm xuất xưởng không đạt quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục I của Thông tư này, không phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng và mẫu điển hình của kiểu loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận;

c) Vi phạm quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền; không phối hợp trong việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đột xuất, xác minh lỗi của sản phẩm;

d) Cơ sở sản xuất tự ý tẩy xóa, đục sửa, đóng lại số khung, số động cơ của xe sản xuất, lắp ráp và không báo cáo tới Cơ quan QLCL.

Trường hợp lỗi vi phạm thuộc lỗi liên quan đến việc đảm bảo chất lượng, quản lý và sử dụng phiếu kiểm tra chất lượng chung cho tất cả các kiểu loại sản phẩm hoặc các kiểu loại sản phẩm tương tự (có sự giống nhau cơ bản về quy trình công nghệ sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng), Cơ quan QLCL yêu cầu tạm dừng xuất xưởng đối với tất cả kiểu loại sản phẩm hoặc các kiểu loại sản phẩm tương tự đã được cấp Giấy chứng nhận.

Trong thời gian bị tạm dừng xuất xưởng, Cơ sở sản xuất không được thực hiện xuất xưởng, cấp phiếu kiểm tra chất lượng cho sản phẩm của kiểu loại đang bị tạm dừng để đưa ra thị trường, phải thực hiện khắc phục các lỗi vi phạm. Cơ quan QLCL sẽ xem xét, kiểm tra sau khi Cơ sở sản xuất thông báo về việc đã khắc phục các lỗi vi phạm; nếu các lỗi vi phạm đã được khắc phục thì Cơ quan QLCL hủy bỏ việc tạm dừng xuất xưởng và thông báo bằng văn bản cho Cơ sở sản xuất; nếu quá 06 tháng kể từ khi thông báo tạm đình chỉ mà Cơ sở sản xuất vẫn chưa khắc phục được các lỗi vi phạm thì Giấy chứng nhận đã cấp cho kiểu loại sản phẩm sẽ bị thu hồi theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này.

5. Cấp lại Giấy chứng nhận

Giấy chứng nhận được cấp lại trong các trường hợp bị mất, hỏng hoặc có sự thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận, Cơ sở sản xuất nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng thông tin điện tử hoặc qua hình thức khác các tài liệu liên quan đến việc đề nghị cấp lại giấy chứng nhận. Cơ quan QLCL sẽ tiếp nhận, kiểm tra các tài liệu đề

cấp lại Giấy chứng nhận theo trình tự và cách thức nêu tại Điều 7 của Thông tư này.”.

6. Sửa đổi khoản 3 Điều 21 của Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT như sau:

“3. Thực hiện việc triệu hồi sản phẩm khi phát hiện bị lỗi kỹ thuật theo trình tự và cách thức nêu tại tại Chương III của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05 tháng 07 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Điều của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện (sau đây viết tắt là Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT), Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT ngày 28 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2009/TT-BGTVT ngày 15/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng, Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT ngày 23/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy và Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện (sau đây viết tắt là Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT), Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT) và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT)

1. Sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT như sau:

“2. Cơ sở sản xuất, Cơ sở nhập khẩu có trách nhiệm chuyên mẫu thử nghiệm tới địa điểm thử nghiệm. Cơ sở thử nghiệm có trách nhiệm thử nghiệm mẫu theo đúng quy trình tương ứng với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; lập báo cáo kết quả thử nghiệm theo mẫu quy định và chịu trách nhiệm về các kết quả thử nghiệm của mình. Trường hợp cần phải trực tiếp cùng đánh giá các hạng mục quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định, đánh giá quá trình thực hiện kiểm tra, thử nghiệm sản phẩm để làm căn cứ xác nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của kiểu loại sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định, Cơ quan QLCL thực hiện giám sát trực tiếp việc thử nghiệm sản phẩm tại cơ sở thử nghiệm.”.

2. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT đã được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT.

3. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT như sau:

“b) *Đánh giá hàng năm* (chu kỳ thực hiện 12 tháng đối với các kỳ đánh giá tiếp theo) được thực hiện định kỳ hàng năm để kiểm tra việc duy trì việc đảm bảo chất lượng tại Cơ sở sản xuất. Kiểm tra việc lưu trữ hồ sơ kiểm tra sản phẩm, sự phù hợp của sản phẩm xuất xưởng so với các chỉ tiêu chất lượng đăng ký trong hồ sơ kiểm tra sản phẩm và việc quản lý, sử dụng Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng được thực hiện theo phương thức kiểm tra xác suất. Việc mở rộng phạm vi kiểm tra, đánh giá được xem xét thực hiện khi có sự không phù hợp trong quá trình sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng.”.

4. Sửa đổi điểm b và c khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT, trong đó điểm c khoản 1 Điều 8 đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT như sau:

“b) Cơ quan QLCL tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ đăng ký chứng nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cơ quan QLCL trả lại hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trả lại hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với hình thức nộp khác và hướng dẫn để Cơ sở sản xuất hoàn thiện. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần, Cơ quan QLCL tiếp nhận hồ sơ để thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ theo quy định.

c) Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong thời hạn 07 ngày làm việc. Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ thì thông báo để Cơ sở sản xuất bổ sung, hoàn thiện theo quy định. Trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP thì Cơ quan QLCL thống nhất với Cơ sở sản xuất về thời gian, địa điểm thực hiện; nội dung và phương thức đánh giá thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 6 của Thông tư này; kết quả sau khi kết thúc việc đánh giá COP sẽ được thông báo cho Cơ sở sản xuất. Nếu đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tương ứng được quy định tại Phụ lục IIIa ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể sau từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu.

Trường hợp có nội dung chưa phù hợp cần bổ sung, sửa đổi và khắc phục, doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung, khắc phục và hoàn thiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo. Khi doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hoặc khắc phục, Cơ quan QLCL tiến hành kiểm tra, đánh giá lại theo quy định. Quá thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không thực hiện bổ sung, sửa đổi và khắc phục, Cơ quan

QLCL dừng thực hiện kiểm tra đánh giá hồ sơ hoặc đánh giá COP; để tiếp tục thực hiện, doanh nghiệp phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu.”.

5. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT đã được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 5 của Thông tư 16/2022/TT-BGTVT như sau:

“c) Cơ quan QLCL tiến hành kiểm tra và xem xét kết quả thử nghiệm Xe theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này. Trong thời hạn 4 ngày làm việc kể từ ngày kiểm tra và bổ sung đầy đủ tài liệu theo quy định, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục IIIb ban hành kèm theo Thông tư này nếu kết quả kiểm tra, thử nghiệm đạt yêu cầu; cấp Thông báo không đạt chất lượng nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục IIIc kèm theo Thông tư này nếu kết quả kiểm tra, thử nghiệm không đạt yêu cầu.”.

6. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 9 và bổ sung điểm đ, e khoản 1 Điều 9 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT

a) Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 9 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT như sau:

“a) Cơ sở sản xuất chỉ được tiến hành sản xuất, lắp ráp, xuất xưởng và cấp tem hợp quy cho các xe tiếp theo sau khi đã được cấp Giấy chứng nhận cho kiểu loại xe và tuân thủ các quy định tại Thông tư này về việc đảm bảo chất lượng sản phẩm, đánh giá hàng năm, đánh giá bổ sung Giấy chứng nhận (nếu có) và phải đảm bảo các sản phẩm này đạt quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận, mẫu điển hình đã được thử nghiệm của kiểu loại xe đã được chứng nhận chất lượng. Cơ sở sản xuất phải chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các xe xuất xưởng.”

b) Bổ sung điểm đ và e khoản 1 Điều 9 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT như sau:

“đ) Các xe đã được kiểm tra xuất xưởng và dán tem hợp quy khi đưa ra thị trường phải được cung cấp kèm theo Sách hướng dẫn sử dụng (có các thông số kỹ thuật chính, cách thức sử dụng các thiết bị của xe và hướng dẫn về an toàn cháy nổ), Phiếu bảo hành sản phẩm (ghi rõ điều kiện và địa chỉ các cơ sở bảo hành).

e) Cơ sở sản xuất không sử dụng khung xe, động cơ có số khung, số động cơ bị tẩy xóa, đục sửa và đóng lại để sản xuất, lắp ráp thành xe. Trường hợp số khung, số động cơ đóng trong nước bị lỗi do thao tác của nhân viên hoặc bị mờ, khó đọc thì giữ nguyên hiện trạng số đã đóng sai và thông báo bằng văn bản tới Cơ quan QLCL để được xem xét, đóng lại.”.

7. Bãi bỏ Điều 10 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11, bổ sung điểm d và đ khoản 3 Điều 11 và bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 11 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT như sau:

“2. Cơ sở sản xuất phải tiến hành các thủ tục chứng nhận bổ sung khi các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận thay đổi hoặc khi sản phẩm có các thay đổi ảnh hưởng tới sự phù hợp của kiểu loại sản phẩm đó so với quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Cơ sở sản xuất nộp hồ sơ bổ sung và gửi tới Cơ quan QLCL để được tiếp nhận, kiểm tra và đánh giá nội dung hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận theo trình tự và cách thức nêu tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư này. Trường hợp sản phẩm có sự thay đổi kết cấu, bố trí trên xe không ảnh hưởng đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kiểu loại sản phẩm đã chứng nhận, so với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc không làm thay đổi thông số in trên Giấy chứng nhận đã cấp thì chỉ ghi nhận, bổ sung các nội dung thay đổi đối với kiểu loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận. Hồ sơ bổ sung bao gồm bao gồm các tài liệu sau:”.

b) Bổ sung điểm d và đ khoản 3 Điều 11 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT như sau:

“d) Cơ sở sản xuất giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật hoặc Cơ sở sản xuất giả mạo các tài liệu, khai báo không đúng các thông tin liên quan ảnh hưởng đến chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trong hồ sơ đăng ký chứng nhận của kiểu loại xe.

đ) Kiểu loại sản phẩm bị tạm dừng xuất xưởng quá 06 tháng theo quy định tại khoản 4 Điều này mà Cơ sở sản xuất vẫn không khắc phục được lỗi vi phạm.”.

c) Bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 11 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT như sau:

“4. Tạm dừng xuất xưởng của kiểu loại sản phẩm

Cơ quan QLCL thông báo bằng văn bản yêu cầu cơ sở sản xuất tạm dừng xuất xưởng và tạm dừng cấp tem hợp quy (tạm dừng xuất xưởng) đối với kiểu loại sản phẩm vi phạm nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở sản xuất vi phạm một trong các lỗi sau: không duy trì việc đảm bảo chất lượng theo quy định; không thực hiện đầy đủ việc kiểm tra chất lượng sản phẩm theo quy trình và hướng dẫn kiểm tra chất lượng của cơ sở sản xuất đã ban hành; quản lý và sử dụng tem hợp quy không đúng quy định; không lập đầy đủ hồ sơ xuất xưởng cho xe theo quy định;

b) Xe xuất xưởng không đạt quy chuẩn kỹ thuật, không phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng và mẫu điển hình của kiểu loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận;

c) Vi phạm quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền; không phối hợp trong việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đột xuất, xác minh lỗi của xe;

d) Cơ sở sản xuất tự ý tẩy xóa, đục sửa, đóng lại số khung, số động cơ của xe sản xuất, lắp ráp và không báo cáo tới Cơ quan QLCL.

Trường hợp lỗi vi phạm thuộc lỗi liên quan đến việc đảm bảo chất lượng, quản lý và sử dụng tem hợp quy chung cho tất cả các kiểu loại sản phẩm hoặc các kiểu loại sản phẩm tương tự (có sự giống nhau cơ bản về quy trình công nghệ sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng), Cơ quan QLCL yêu cầu tạm dừng xuất xưởng đối với tất cả kiểu loại xe hoặc các kiểu loại xe tương tự đã được cấp Giấy chứng nhận.

Trong thời gian bị tạm dừng xuất xưởng, Cơ sở sản xuất không được thực hiện xuất xưởng, cấp tem hợp quy cho xe của kiểu loại đang bị tạm dừng để đưa ra thị trường, phải thực hiện khắc phục các lỗi vi phạm. Cơ quan QLCL sẽ xem xét, kiểm tra sau khi Cơ sở sản xuất thông báo về việc đã khắc phục các lỗi vi phạm; nếu các lỗi vi phạm đã được khắc phục thì Cơ quan QLCL hủy bỏ việc tạm dừng xuất xưởng và thông báo bằng văn bản cho Cơ sở sản xuất; nếu quá 06 tháng kể từ khi thông báo tạm đình chỉ mà Cơ sở sản xuất vẫn chưa khắc phục được các lỗi vi phạm thì Giấy chứng nhận đã cấp cho kiểu loại xe sẽ bị thu hồi theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này.

5. Cấp lại Giấy chứng nhận

Giấy chứng nhận được cấp lại trong các trường hợp bị mất, hỏng hoặc có sự thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận, Cơ sở sản xuất nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng thông tin điện tử hoặc qua hình thức khác các tài liệu liên quan đến việc đề nghị cấp lại giấy chứng nhận tới Cơ quan QLCL. Cơ quan QLCL sẽ tiếp nhận, kiểm tra các tài liệu để cấp lại Giấy chứng nhận theo trình tự và cách thức nêu tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư này.”.

9. Sửa đổi khoản 4 Điều 13 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT như sau:

“4. Thực hiện việc triệu hồi đối với xe sản xuất, lắp ráp khi phát hiện xe bị lỗi kỹ thuật theo trình tự quy định tại Chương III của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05 tháng 07 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô; Thực hiện việc triệu hồi xe nhập khẩu khi phát hiện xe bị lỗi kỹ thuật theo trình tự quy định tại Chương III – Quy định về triệu hồi ô tô của Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định

về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế (sau đây viết tắt là Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT) và Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT) và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:

“2. Cơ sở thử nghiệm thực hiện việc kiểm tra, thử nghiệm Xe mẫu theo đúng quy trình tương ứng với các yêu cầu quy định tại Thông tư này; lập báo cáo kết quả kiểm tra, thử nghiệm theo mẫu quy định. Trường hợp cần phải trực tiếp cùng đánh giá các hạng mục quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định, đánh giá quá trình thực hiện kiểm tra, thử nghiệm sản phẩm để làm căn cứ xác nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của kiểu loại sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định, Cơ quan QLCL thực hiện giám sát trực tiếp việc thử nghiệm sản phẩm tại cơ sở thử nghiệm.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:

“b) *Đánh giá hàng năm* (chu kỳ thực hiện 12 tháng đối với các kỳ đánh giá tiếp theo) được thực hiện định kỳ hàng năm để kiểm tra việc duy trì việc đảm bảo chất lượng tại Cơ sở sản xuất. Kiểm tra việc lưu trữ hồ sơ kiểm tra sản phẩm, sự phù hợp của sản phẩm xuất xưởng so với các chỉ tiêu chất lượng đăng ký trong hồ sơ kiểm tra sản phẩm và việc quản lý, sử dụng Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng được thực hiện theo phương thức kiểm tra xác suất. Việc mở rộng phạm vi kiểm tra, đánh giá được xem xét thực hiện khi có sự không phù hợp trong quá trình sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 7 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:

“2. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký chứng nhận và xử lý như sau:

a) Nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trả lại hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với hình thức nộp khác và hướng dẫn để doanh nghiệp hoàn thiện.

b) Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ để thực hiện kiểm tra, đánh giá nội dung hồ sơ theo quy định.

3. Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong thời hạn 07 ngày làm việc.

a) Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ thì thông báo đề Cơ sở sản xuất bổ sung, hoàn thiện theo quy định. Trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP thì Cơ quan QLCL thống nhất với Cơ sở sản xuất về thời gian, địa điểm thực hiện; nội dung và phương thức đánh giá thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 6 của Thông tư này; kết quả sau khi kết thúc việc đánh giá COP sẽ được thông báo cho doanh nghiệp.

Trường hợp có nội dung chưa phù hợp cần bổ sung, sửa đổi và khắc phục, doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung, khắc phục và hoàn thiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo. Khi doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hoặc khắc phục, Cơ quan QLCL tiến hành kiểm tra, đánh giá lại theo quy định. Quá thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không thực hiện bổ sung, sửa đổi và khắc phục, Cơ quan QLCL dừng thực hiện kiểm tra đánh giá hồ sơ hoặc đánh giá COP; để tiếp tục thực hiện, doanh nghiệp phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu.

b) Nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục IVa ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu.”.

4. Sửa đổi khoản 1, khoản 6 Điều 8 và bổ sung khoản 7 Điều 8 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:

“1. Cơ sở sản xuất chỉ được tiến hành sản xuất, lắp ráp, xuất xưởng và cấp phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng cho xe tiếp theo sau khi đã được cấp Giấy chứng nhận cho kiểu loại xe và tuân thủ các quy định tại Thông tư này về việc đảm bảo chất lượng sản phẩm, đánh giá hàng năm, đánh giá bổ sung Giấy chứng nhận và phải đảm bảo các sản phẩm này đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận, mẫu điển hình đã được thử nghiệm của kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận chất lượng. Cơ sở sản xuất phải chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các sản phẩm xuất xưởng.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 8 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:

“6. Cục Đăng kiểm Việt Nam có thể tiến hành kiểm tra đột xuất. Trường hợp kết quả kiểm tra cho thấy Cơ sở sản xuất vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 9 của Thông tư này thì sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận. Trường hợp vi phạm chưa tới mức bị thu hồi Giấy chứng nhận thì thực hiện yêu cầu tạm dừng xuất xưởng xe theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Thông tư này.”.

c) Bổ sung khoản 7 Điều 8 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:

“7. Cơ sở sản xuất không sử dụng khung xe, động cơ có số khung, số động cơ bị tẩy xóa, đục sửa và đóng lại để sản xuất, lắp ráp thành xe. Trường hợp số khung, số động cơ đóng trong nước bị lỗi do thao tác của nhân viên hoặc bị mờ, khó đọc thì giữ nguyên hiện trạng số đã đóng sai và thông báo bằng văn bản tới Cơ quan QLCL để xem xét, đóng lại.”.

5. Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu trích dẫn của khoản 2 Điều 9, sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 9, bổ sung điểm d và đ khoản 3 Điều 9 và bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 9 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu trích dẫn của khoản 2 Điều 9 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:

“2. Cơ sở sản xuất phải tiến hành các thủ tục chứng nhận bổ sung khi các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận thay đổi hoặc khi sản phẩm có các thay đổi ảnh hưởng tới sự phù hợp của kiểu loại sản phẩm đó so với quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Cơ sở sản xuất nộp hồ sơ bổ sung và gửi tới Cơ quan QLCL để được tiếp nhận, kiểm tra và đánh giá nội dung hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận theo trình tự và cách thức nêu tại Điều 7 của Thông tư này. Trường hợp sản phẩm có sự thay đổi kết cấu, bố trí trên xe không ảnh hưởng đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kiểu loại sản phẩm đã chứng nhận, so với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc không làm thay đổi thông số in trên Giấy chứng nhận đã cấp thì chỉ ghi nhận, bổ sung các nội dung thay đổi đối với kiểu loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận. Hồ sơ bổ sung bao gồm các tài liệu sau:”.

b) Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 9 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:

“b) Cơ sở sản xuất vi phạm quy định: sử dụng Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng cho Xe chưa được cấp Giấy chứng nhận; vi phạm quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền;”.

c) Bổ sung điểm d và đ khoản 3 Điều 9 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:

“d) Cơ sở sản xuất giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật hoặc Cơ sở sản xuất giả mạo các tài liệu, khai báo không đúng các thông tin liên quan ảnh hưởng đến chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của sản phẩm trong hồ sơ đăng ký chứng nhận của kiểu loại sản phẩm.

đ) Kiểu loại sản phẩm bị tạm dừng xuất xưởng quá 06 tháng theo quy định tại khoản 4 Điều này mà Cơ sở sản xuất vẫn không khắc phục được lỗi vi phạm.”.

d) Bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 9 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:

“4. Tạm dừng xuất xưởng của kiểu loại xe

Cơ quan QLCL thông báo bằng văn bản yêu cầu cơ sở sản xuất tạm dừng xuất xưởng và tạm dừng cấp phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng cho xe (tạm dừng xuất xưởng) đối với kiểu loại xe vi phạm nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở sản xuất vi phạm một trong các lỗi sau: không duy trì việc đảm bảo chất lượng theo quy định; không thực hiện đầy đủ việc kiểm tra chất lượng xe theo quy trình và hướng dẫn kiểm tra chất lượng của cơ sở sản xuất đã ban hành; quản lý và sử dụng Phiếu xuất xưởng không đúng quy định; không lập đầy đủ hồ sơ xuất xưởng cho xe theo quy định;

b) Xe xuất xưởng không đạt quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư này, không phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận xe và mẫu điển hình của kiểu loại xe đã được cấp Giấy chứng nhận;

c) Không phối hợp trong việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đột xuất, xác minh lỗi của xe;

d) Cơ sở sản xuất tự ý tẩy xóa, đục sửa, đóng lại số khung, số động cơ của xe sản xuất, lắp ráp và không báo cáo tới Cơ quan QLCL.

Trường hợp lỗi vi phạm thuộc lỗi liên quan đến việc đảm bảo chất lượng, quản lý và sử dụng phiếu kiểm tra chất lượng chung cho tất cả các kiểu loại xe hoặc các kiểu loại xe tương tự (có sự giống nhau cơ bản về quy trình công nghệ sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng), Cơ quan QLCL yêu cầu tạm dừng xuất xưởng đối với tất cả kiểu loại xe hoặc các kiểu loại xe tương tự đã được cấp Giấy chứng nhận.

Trong thời gian bị tạm dừng xuất xưởng, Cơ sở sản xuất không được thực hiện xuất xưởng, cấp phiếu kiểm tra chất lượng cho xe của kiểu loại đang bị tạm dừng để đưa ra thị trường và phải thực hiện khắc phục các lỗi vi phạm. Cơ quan QLCL sẽ xem xét, kiểm tra sau khi Cơ sở sản xuất thông báo về việc đã khắc phục các lỗi vi phạm; nếu các lỗi vi phạm đã được khắc phục thì Cơ quan QLCL hủy bỏ việc tạm dừng xuất xưởng và thông báo bằng văn bản cho Cơ sở sản xuất; nếu quá 06 tháng kể từ khi thông báo tạm đình chỉ mà Cơ sở sản xuất vẫn chưa khắc phục được

các lỗi vi phạm thì Giấy chứng nhận đã cấp cho kiểu loại xe sẽ bị thu hồi theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này.

5. Cấp lại Giấy chứng nhận

Giấy chứng nhận được cấp lại trong các trường hợp bị mất, hỏng hoặc có sự thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận, Cơ sở sản xuất nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng thông tin điện tử hoặc qua hình thức khác các tài liệu liên quan đến việc đề nghị cấp lại giấy chứng nhận tới Cơ quan QLCL. Cơ quan QLCL sẽ tiếp nhận, kiểm tra các tài liệu để cấp lại Giấy chứng nhận theo trình tự và cách thức nêu tại Điều 7 của Thông tư này.”.

6. Bổ sung điểm c khoản 3 Điều 12 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:

“c) Trường hợp xe bị nghi vấn về tình trạng số khung hoặc số động cơ thì Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ trưng cầu giám định tại Cơ quan giám định chuyên ngành để xử lý cụ thể:

Xe có số khung, số động cơ bị tẩy xóa, đục sửa, đóng lại thì Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện như sau: Dừng các thủ tục kiểm tra, chứng nhận chất lượng ATKT & BVMT xe chở người bốn bánh có gắn động cơ nhập khẩu; Lập biên bản ghi nhận về tình trạng xe vi phạm quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP theo mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận vi phạm, Cục Đăng kiểm Việt Nam ra Thông báo vi phạm Nghị định số 69/2018/NĐ-CP theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này để Người nhập khẩu và Cơ quan hải quan (nơi làm thủ tục nhập khẩu) giải quyết theo quy định.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 25 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:

“3. Thực hiện việc triệu hồi đối với xe sản xuất, lắp ráp khi phát hiện xe bị lỗi kỹ thuật theo trình tự quy định tại Chương III của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05 tháng 07 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô; Thực hiện việc triệu hồi xe nhập khẩu khi phát hiện xe bị lỗi kỹ thuật theo trình tự quy định tại Chương III – Quy định về triệu hồi ô tô của Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.”.

8. Bổ sung Phụ lục XI và XII vào Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT tương ứng bằng Phụ lục 5 và 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Điều của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng (sau đây viết tắt là Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT), Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT) và Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng và Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực Đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT)

1. Sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

“2. Thông tư này không áp dụng đối với xe máy chuyên dùng sau đây:

- a) Xe máy chuyên dùng được sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;
- b) Xe máy chuyên dùng nhập khẩu để trưng bày, giới thiệu tại hội chợ triển lãm thương mại;
- c) Xe máy chuyên dùng tạm nhập – tái xuất không tiêu thụ và sử dụng tại Việt Nam.”.

2. Sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư 23/2020/TT-BGTVT như sau:

“1. *Xe máy chuyên dùng* (sau đây viết tắt là xe) gồm các loại xe được nêu trong Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7772:2007 “Xe, máy và thiết bị thi công di động - phân loại” và các loại xe được nêu tại mục C của Phụ lục I và mục D Phụ lục II của Thông tư số 12/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.”.

3. Sửa đổi điểm a và bổ sung điểm c khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

- a) Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

“a) Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Đăng kiểm Việt Nam xác nhận vào Bản đăng ký kiểm tra chất lượng ATKTK & BVMT. Người nhập khẩu phải xuất trình Xe tại địa điểm đăng ký kiểm tra thực tế trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày đưa hàng về bảo quản.

Quá 30 ngày kể từ ngày đưa hàng về bảo quản mà Người nhập khẩu không xuất trình được Xe để kiểm tra thực tế thì Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ từ chối tiếp nhận các Hồ sơ tiếp theo cho đến khi Người nhập khẩu xuất trình xe để kiểm tra thực tế.”

b) Bổ sung điểm c khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

“c) Trường hợp Người nhập khẩu chưa khai đầy đủ số khung, số động cơ đúng với Xe thực tế thì Cục Đăng kiểm Việt Nam trả Hồ sơ để Người nhập khẩu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ.”.

4. Bãi bỏ khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 7 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

“d) Xe thuộc Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu nêu tại mục II của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 69/2018/NĐ-CP thì Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện như sau: Dừng các thủ tục kiểm tra, chứng nhận chất lượng ATKTK & BVMT xe máy chuyên dùng nhập khẩu; Lập biên bản ghi nhận về tình trạng Xe vi phạm quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận vi phạm, Cục Đăng kiểm Việt Nam ra Thông báo vi phạm Nghị định số 69/2018/NĐ-CP theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này gửi tới Người nhập khẩu và Cơ quan hải quan (nơi làm thủ tục nhập khẩu) để giải quyết theo quy định.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

“đ) Trường hợp các xe hoạt động trong phạm vi hẹp và không tham gia giao thông được loại trừ khỏi Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu nêu tại mục II của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 69/2018/NĐ-CP thì được kiểm tra, chứng nhận theo quy định, trong Giấy chứng nhận có ghi chú: “chiếc xe này dùng để hoạt động trong phạm vi hẹp và không tham gia giao thông.”.

6. Bổ sung khoản 3 Điều 8 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT đã được bổ sung, sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau:

“3. Trường hợp cơ sở thiết kế nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến thì các tài liệu yêu cầu nộp bản chính được thay thế bằng các tài liệu dạng điện tử.”.

7. Sửa đổi khoản 3 Điều 9, điểm a khoản 4 Điều 9, đoạn giữa và cuối của khoản điểm b khoản 5 Điều 9 và bổ sung khoản 6 Điều 9 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau:

“3. Cơ sở thiết kế nhận kết quả thẩm định thiết kế gồm:

a) Trường hợp nhận trực tiếp tại trụ sở Cơ quan QLCL hoặc qua hệ thống bưu chính: 01 Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế; bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và bản vẽ kỹ thuật (01 bản đối với trường hợp cơ sở thiết kế đồng thời là cơ sở sản xuất hoặc 02 bản đối với trường hợp cơ sở thiết kế khác cơ sở sản xuất) của hồ sơ thiết kế.

b) Trường hợp nhận qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: bản điện tử Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế; bản điện tử bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và bản vẽ kỹ thuật của hồ sơ thiết kế.”.

b) Sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 9 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau:

“a) Trong trường hợp có thay đổi, bổ sung thiết kế sản phẩm so với hồ sơ thiết kế đã được thẩm định hoặc có sự thay đổi của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho kiểu loại sản phẩm thì cơ sở thiết kế sản phẩm đó phải có hồ sơ thiết kế bổ sung, sửa đổi và văn bản đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam thẩm định nội dung bổ sung, sửa đổi đó theo trình tự thủ tục quy định tại khoản 5 Điều này.”.

c) Sửa đổi đoạn giữa và cuối của điểm b khoản 5 Điều 9 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau:

“Cơ quan QLCL tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, Cơ quan QLCL trả lại hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với hình thức nộp khác và hướng dẫn để Cơ sở thiết kế hoàn thiện. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, Cơ quan QLCL tiếp nhận và tiến hành thẩm định hồ sơ.

Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành thẩm định hồ sơ thiết kế: nếu hồ sơ thiết kế chưa đạt yêu cầu thì thông báo bổ sung, sửa đổi; nếu hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp hồ sơ thiết kế có các nội dung chưa đạt yêu cầu, Cơ sở thiết kế có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thiết kế trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông báo. Khi cơ sở thiết kế bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Cơ quan QLCL tiến hành thẩm định lại hồ sơ theo quy định. Quá thời hạn nêu trên mà cơ sở thiết kế không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Cơ quan QLCL sẽ dừng việc thẩm định hồ sơ thiết kế; để tiếp tục thực hiện việc thẩm định hồ sơ thiết kế, Cơ sở thiết kế phải tiến hành nộp hồ sơ lại từ đầu.”.

d) Bổ sung khoản 6 Điều 9 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

“6. Giấy chứng nhận, bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và các bản vẽ kỹ thuật được cấp lại trong các trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận. Để được cấp cấp lại, doanh nghiệp có văn bản đề nghị cấp lại theo mẫu quy định tại Phụ lục XIVa ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo các tài liệu gồm Bản gốc Giấy chứng nhận, bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và các bản vẽ kỹ thuật đã được cấp (không áp dụng đối với trường hợp cấp lại do mất; nộp bản gốc chỉ áp dụng đối với trường hợp được cấp bản giấy), Bản sao có xác thực của doanh nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp) và gửi tới Cơ quan QLCL để xem xét thực hiện cấp lại theo trình tự và cách thức thực hiện nêu tại Điều 9 của Thông tư này.”.

8. Sửa đổi điểm b và c khoản 2 Điều 13 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau:

“b) Cơ quan QLCL tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ đăng ký chứng nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cơ quan QLCL trả lại hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trả lại hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với hình thức nộp khác và hướng dẫn để doanh nghiệp hoàn thiện. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần, Cơ quan QLCL tiếp nhận hồ sơ để thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ theo quy định.

c) Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong thời hạn 07 ngày làm việc. Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ thì thông báo để Cơ sở sản xuất bổ sung, hoàn thiện theo quy định. Trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP thì Cơ quan QLCL thống nhất với Cơ sở sản xuất về thời gian, địa điểm thực hiện; nội dung và phương thức đánh giá thực hiện theo các nội dung quy

định tại Điều 12 của Thông tư này; kết quả sau khi kết thúc việc đánh giá COP sẽ được thông báo cho doanh nghiệp. Nếu đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận theo mẫu quy định.

Trường hợp có nội dung chưa phù hợp cần bổ sung, sửa đổi và khắc phục, doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung, khắc phục và hoàn thiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo. Khi doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hoặc khắc phục, Cơ quan QLCL tiến hành kiểm tra, đánh giá lại theo quy định. Quá thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không thực hiện bổ sung, sửa đổi và khắc phục, Cơ quan QLCL dừng thực hiện kiểm tra đánh giá hồ sơ hoặc đánh giá COP; để tiếp tục thực hiện, doanh nghiệp phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu.”.

9. Sửa đổi khoản 1 Điều 14 và bổ sung khoản 4 Điều 14 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT

a) Sửa đổi khoản 1 Điều 14 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT đã được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau:

“1. Sau khi sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận, Cơ sở sản xuất phải tuân thủ các quy định tại Thông tư này về việc đảm bảo chất lượng sản phẩm, đánh giá hàng năm, đánh giá bổ sung Giấy chứng nhận (nếu có) và tự tiến hành sản xuất hàng loạt, kiểm tra chất lượng trong suốt quá trình sản xuất, lắp ráp, kiểm tra xuất xưởng cho từng sản phẩm và phải đảm bảo các sản phẩm này đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp theo hồ sơ đăng ký chứng nhận, sản phẩm mẫu của kiểu loại xe đã được chứng nhận.”

b) Bổ sung khoản 4 Điều 14 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT đã được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau:

“4. Cơ sở sản xuất không sử dụng khung xe, động cơ có số khung, số động cơ bị tẩy xóa, đục sửa và đóng lại để sản xuất, lắp ráp thành xe. Trường hợp số khung, số động cơ đóng trong nước bị lỗi do thao tác của nhân viên hoặc bị mờ, khó đọc thì giữ nguyên hiện trạng số đã đóng sai và thông báo bằng văn bản tới Cơ quan QLCL để xem xét, đóng lại.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 6 Điều 15 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn cuối khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT đã được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau:

“Cơ quan QLCL sẽ tiếp nhận, kiểm tra các tài liệu bổ sung để đánh giá nội dung hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận theo trình tự, cách thức nêu tại Điều 13

của Thông tư này. Trường hợp sản phẩm có sự thay đổi kết cấu, bố trí và loại thiết bị lắp đặt trên xe ảnh hưởng đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kiểu loại sản phẩm đã chứng nhận, so với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc có các thay đổi làm thay đổi thông số in trên Giấy chứng nhận đã cấp thì Giấy chứng nhận được cấp được căn cứ trên Giấy chứng nhận của kiểu loại xe thay đổi; các trường hợp khác thì ghi nhận, bổ sung các nội dung thay đổi đối với kiểu loại sản phẩm đã cấp.”.

b) Bổ sung khoản 6 Điều 15 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT, được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau:

“6. Cấp lại Giấy chứng nhận: Giấy chứng nhận được cấp lại trong các trường hợp bị mất, hỏng hoặc có sự thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận, Cơ sở sản xuất nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua công thông tin điện tử hoặc qua hình thức khác các tài liệu liên quan đến việc đề nghị cấp lại giấy chứng nhận tới Cơ quan QLCL. Cơ quan QLCL sẽ tiếp nhận, kiểm tra các tài liệu để cấp lại Giấy chứng nhận theo trình tự và cách thức nêu tại Điều 13 của Thông tư này.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

“2. Trình tự, cách thức thực hiện thẩm định thiết kế cải tạo:

a) Cơ sở thiết kế lập 01 bộ (gồm 03 bản) Hồ sơ thiết kế xe cải tạo và nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Chi cục Đăng kiểm.

b) Chi cục Đăng kiểm tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn cơ sở hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy nhận Hồ sơ.

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi Cơ sở thiết kế nộp đủ hồ sơ: nếu Hồ sơ thiết kế xe cải tạo đạt yêu cầu, Chi cục Đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế cải tạo theo mẫu tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này; Nếu Hồ sơ thiết kế xe cải tạo không đạt yêu cầu, Chi cục Đăng kiểm thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi tới Cơ sở thiết kế.

d) Hồ sơ thiết kế xe cải tạo sau khi được phê duyệt và Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế cải tạo được lưu tại cơ quan thẩm định thiết kế 01 bộ, cơ sở cải tạo 01 bộ và cơ sở thiết kế 01 bộ.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

“2. Chi cục Đăng kiểm (cơ quan đã thẩm định thiết kế) tiến hành lập Biên bản kiểm tra trên cơ sở kiểm tra, đối chiếu xe sau cải tạo với Hồ sơ thiết kế xe cải tạo đã được thẩm định và kiểm tra chất lượng ATKT & BVMT theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định hiện hành; nếu hạng mục nào của xe không đạt yêu cầu thì thông báo để cơ sở cải tạo hoàn thiện lại.”.

13. Bổ sung khoản 4 Điều 18 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

“4. Hồ sơ thiết kế xe cải tạo quy định tại Điều 16 của Thông tư này sau khi thẩm định và các tài liệu được thiết lập trong quá trình kiểm tra được lưu trữ tại Chi cục Đăng kiểm theo quy định kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chất lượng ATKT&BVMT xe cải tạo.”.

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 23 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

“2. Xây dựng Chương trình phần mềm Quản lý xe trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, cải tạo và khai thác sử dụng, thống nhất in, quản lý các loại phôi Giấy ATKT & BVMT, phôi phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng, tem kiểm tra và các chứng chỉ chất lượng được quy định tại Thông tư này, trừ phôi Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế cải tạo và Giấy chứng nhận ATKT & BVMT xe cải tạo.”.

15. Bổ sung khoản 7 Điều 25 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

“7. Trách nhiệm riêng Chi cục Đăng kiểm trong công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu và cấp Giấy chứng nhận chất lượng ATKT&BVMT xe cải tạo:

a) Hướng dẫn, tổ chức, thực hiện thẩm định thiết kế xe cải tạo, nghiệm thu và cấp Giấy chứng nhận chất lượng ATKT&BVMT xe cải tạo theo quy định tại Thông tư này.

b) Báo cáo, cung cấp đầy đủ hồ sơ, số liệu phục vụ việc kiểm tra công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu và cấp Giấy chứng nhận và cải tạo xe khi được yêu cầu.”.

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 26 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

“2. Đảm bảo giữ nguyên trạng Xe khi nhập khẩu để Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện việc kiểm tra chất lượng; chuẩn bị địa điểm kiểm tra, đảm bảo không gian an toàn và có người điều khiển, vận hành xe đáp ứng theo quy định của pháp luật trong quá trình kiểm tra.”

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 7 Điều 27 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 27 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

“2. Hồ sơ liên quan đến cải tạo xe phải được lưu trữ ít nhất 02 năm, kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận chất lượng ATK&BVMT xe cải tạo.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 27 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

“7. Báo cáo việc thực hiện triệu hồi sản phẩm khi phát hiện xe bị lỗi kỹ thuật tới Cục Đăng kiểm Việt Nam và thông báo các thông tin cần thiết liên quan đến việc triệu hồi cho các đại lý, trạm dịch vụ và khách hàng (nếu có). Đối với xe sản xuất, lắp ráp khi phát hiện xe bị lỗi kỹ thuật thực hiện theo trình tự quy định tại Chương III của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05 tháng 07 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô; Thực hiện việc triệu hồi xe nhập khẩu khi phát hiện xe bị lỗi kỹ thuật theo trình tự quy định tại Chương III – Quy định về triệu hồi ô tô của Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.”.

18. Thay thế Phụ lục XVII và XVIII của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT bằng Phụ lục 7 và 8 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (sau đây viết tắt là Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT), Thông tư số 55/2014/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (sau đây viết tắt là Thông tư số 55/2014/TT-BGTVT), Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 07 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT) và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT)

1. Sửa đổi tiêu đề của Điều 9 như sau:

“Điều 9. Xử lý kết quả kiểm tra và triệu hồi”.

2. Bổ sung khoản 5 Điều 9 như sau:

“5. Thực hiện việc triệu hồi sản phẩm khi phát hiện bị lỗi kỹ thuật theo các quy định nêu tại Chương III – Quy định về triệu hồi ô tô của Thông tư số

03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP (Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT).”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy (sau đây viết tắt là Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT), Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT ngày 28 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2009/TT-BGTVT ngày 15/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng, Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT ngày 23/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy và Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện (sau đây viết tắt là Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT) và Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT)

1. Bổ sung điểm c khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT như sau:

“c) Các loại xe mô tô, xe gắn máy 3 bánh chở hàng và chở người bị hạn chế nhập khẩu (trừ xe phục vụ du lịch, xe thu gom rác thải phục vụ vệ sinh môi trường, xe làm phương tiện đi lại của thương binh, người khuyết tật) theo Nghị quyết số 05/2008/NQ-CP ngày 04/02/2008.”.

2. Sửa đổi khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT như sau:

“1. Xe mô tô, xe gắn máy là các loại phương tiện giao thông cơ giới hoạt động trên đường bộ được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 14 : 2015/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô, xe gắn máy.”.

3. Sửa đổi khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT như sau:

“2. Nội dung kiểm tra, thử nghiệm:

a) Nội dung kiểm tra, thử nghiệm xe thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 14 : 2015/BGTVT.

Trong đó:

- Miễn kiểm tra thử nghiệm riêng cho linh kiện theo quy định tại mục: 2.4.1; 2.4.2; 2.6.1; 2.6.2; 2.11.2; 2.15.3; 2.16.3; 2.18.1.5; 2.18.2.1; 2.18.2.4.

- Việc kiểm tra thử nghiệm khí thải của xe quy định tại mục 2.19.1 được thực hiện khi:

+ Xe không có tài liệu liên quan đến khí thải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 của Thông tư này;

+ Xe có tài liệu liên quan đến khí thải nhưng trong tài liệu không thể hiện đầy đủ các phép thử áp dụng đối với loại xe đó như quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 04 : 2009/BGTVT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới” hoặc Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 77:2014/BGTVT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải mức 3 đối với xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới”;

+ Xe có kết cấu không đúng với tài liệu liên quan đến khí thải.

- Miễn phép thử bay hơi quy định tại QCVN 04:2009/BGTVT hoặc QCVN 77:2014/BGTVT đối với mô tô, xe gắn máy

b) Nội dung kiểm tra, thử nghiệm động cơ thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 37 : 2010/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về động cơ xe mô tô, xe gắn máy hoặc QCVN 90 : 2019/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về động cơ sử dụng cho xe mô tô, xe gắn máy điện.”.

4. Sửa đổi tiêu đề Điều 6, khoản 2, điểm b khoản 3 và bổ sung khoản 4 Điều 6 của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT

a) Sửa đổi tiêu đề Điều 6 của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT như sau:

“Điều 6. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận chất lượng nhập khẩu và triệu hồi”.

b) Sửa đổi khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT như sau:

“2. Cơ quan KTCL tiếp nhận và kiểm tra nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra và có kết quả thông báo cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu trong thời hạn 01 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ đăng ký kiểm tra đầy đủ theo quy định thì Cơ quan KTCL xác nhận vào Bản đăng ký kiểm tra. Trường hợp hồ sơ đăng ký kiểm tra chưa đầy đủ theo quy định thì Cơ quan KTCL trả lại hồ sơ khi có kết quả thông báo cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu và hướng dẫn tổ chức, cá nhân nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện lại.

Cơ quan KTCL thông nhất với tổ chức, cá nhân nhập khẩu về thời gian và địa điểm kiểm tra. Thời gian kiểm tra không quá 03 ngày làm việc so với ngày đề nghị kiểm tra của tổ chức, cá nhân nhập khẩu.”.

c) Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT như sau:

“b) Đối với các xe và động cơ không phù hợp quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành, Cơ quan KTCL cấp Thông báo không đạt chất lượng nhập khẩu theo mẫu tương ứng tại các Phụ lục Va và Vb kèm theo Thông tư này.”.

d) Bổ sung khoản 4 Điều 6 của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT như sau:

“4. Thực hiện việc triệu hồi xe hoặc động cơ khi phát hiện bị lỗi kỹ thuật theo các quy định nêu tại Chương III – Quy định về triệu hồi ô tô của Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.”.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2023.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Giao thông vận tải để được nghiên cứu bổ sung, sửa đổi./.

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KHCN&MT(5).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thắng

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC XII

Tên CSSX/ NK:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../.....

....., ngày...tháng.... năm...

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRIỆU HỒI SẢN PHẨM THEO KẾ HOẠCH ĐÃ CÔNG BỐ

Kính gửi:

Thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Thông tư....., (tên cơ quan, đơn vị)..... báo cáo kết quả thực hiện chương trình triệu hồi theo kế hoạch đã công bố như sau:

Số tt	Tên chương trình	Mã số chương trình được tiếp nhận	Mã số chương trình của hãng	Loại xe phải triệu hồi	Nhãn hiệu, số loại	Tổng số xe bị ảnh hưởng	Số xe đã thực hiện		Số xe chưa thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Ghi chú
							Trong kỳ	Tổng số			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Chương trình kiểm tra,										
Tổng số		---	---	---	--						

Nơi nhận:

- Như trên;

-...;

TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ NHẬP KHẨU/

ĐƠN VỊ ỦY QUYỀN THỰC HIỆN

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải)

Phụ lục IV

HẠNG MỤC VÀ ĐỐI TƯỢNG PHẢI KIỂM TRA, THỬ NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN

Stt	Hạng mục kiểm tra, thử nghiệm (*)	Đối tượng kiểm tra				
		Ô tô mới được sản xuất, lắp ráp từ linh kiện rời thành			Ô tô sản xuất, lắp ráp từ ô tô sát xi không buồng lái	Linh kiện (**)
		Ô tô hoàn chỉnh	Ô tô sát xi có buồng lái	Ô tô sát xi không buồng lái		
1	Số nhận dạng (VIN)	X	X	X	-	-
2	Yêu cầu an toàn chung	X	X	X	X	-
3	Khối lượng và kích thước	X	X	X	X	-
4	Hệ thống phanh	X	X	X ⁽¹⁾	X	-
5	Đèn chiếu sáng phía trước	X	X	-	X	X
6	Đèn tín hiệu	X	X ⁽²⁾	-	X	-
7	Đồng hồ đo tốc độ	X	X	-	X	-
8	Còi	X	X	-	X	-
9	Khí thải	X	X	X ⁽³⁾	X ⁽³⁾	X ⁽⁴⁾
10	Độ ồn khi xe đỗ tại chỗ (áp dụng đối với xe sử dụng động cơ đốt trong)	X	X	X	X	-
11	Kính chắn gió phía trước, kính bên, kính sau, kính nóc xe	X	X	-	X	X
12	Gương chiếu hậu dùng cho xe ô tô	X	X	-	X	X
13	Lốp xe	X	X	X	X	X
14	Vành bánh xe hợp kim nhẹ (áp dụng đối với nhóm xe ô tô con M1 và nhóm ô tô tải có khối lượng toàn bộ không quá 3,5 tấn N1)	X	X	X	X	X
15	Kết cấu an toàn chống cháy của xe cơ giới	X	X	X ⁽⁶⁾	X ⁽⁶⁾	X ⁽⁵⁾

16	An toàn chống cháy của vật liệu sử dụng trong kết cấu nội thất của xe cơ giới (áp dụng đối với ô tô khách có khối lượng toàn bộ lớn hơn 5 tấn và có số người cho phép chở từ 22 người trở lên (kể cả người lái) ; không áp dụng đối với ô tô khách thành phố)	X	-	-	X	X
17	Chạy thử	X	X	-	X	-
18	Thử kín nước	X ⁽⁷⁾	-	-	X ⁽⁷⁾	-

Ghi chú:

x Áp dụng;

- Không áp dụng;

(*) Theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định hiện hành;

(**) + Áp dụng đối với linh kiện sử dụng cho ô tô;

+ Không áp dụng đối với linh kiện đã được lắp trên ô tô sát xi không buồng lái nhập khẩu hoặc sản xuất, lắp ráp trong nước đã được kiểm tra, cấp giấy chứng nhận (xe cơ sở) khi thực hiện kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận các loại ô tô sản xuất, lắp ráp từ các xe cơ sở này;

(1) Chỉ áp dụng kiểm tra tình trạng lắp đặt và hoạt động của các cơ cấu của hệ thống phanh;

(2) Chỉ áp dụng kiểm tra đối với các loại đèn của ô tô sát xi có buồng lái bao gồm:

+ Đèn tín hiệu phía trước;

+ Đèn tín hiệu sau (kiểm tra màu sắc và số lượng; kiểm tra lắp đặt nếu đèn tín hiệu được lắp hoàn chỉnh và cố định trên xe).

(3) Kiểm tra, thử nghiệm về khí thải :

+ Đối với sản xuất, lắp ráp ô tô sát xi không buồng lái: áp dụng kiểm tra, thử nghiệm về khí thải đối với động cơ mẫu và các linh kiện có liên quan đến hệ thống khí thải của xe đối với xe thiết kế có khối lượng toàn bộ trên 3,5 tấn, trừ trường hợp cho phép thử đối với xe mẫu đại diện cho kiểu loại xe theo quy định. Không bắt buộc áp dụng kiểm tra, thử nghiệm về khí thải đối với xe ô tô sát xi không buồng lái thiết kế có khối lượng toàn bộ không quá 3,5 tấn; việc kiểm tra, thử nghiệm khí thải được áp dụng thực hiện đối với kiểu loại xe được lắp thành xe hoàn chỉnh từ kiểu loại ô tô sát xi này.

+ Đối với ô tô sản xuất, lắp ráp từ ô tô sát xi không buồng lái: không áp dụng thử nghiệm lại về khí thải đối với trường hợp xe ô tô sản xuất, lắp ráp từ ô tô cơ sở có động cơ và các linh kiện có liên quan đến hệ thống khí thải đã được thử nghiệm hoặc chứng nhận về khí thải theo quy định; mức khí thải của xe sản xuất, lắp ráp được áp dụng theo mức khí thải của động cơ sử dụng để lắp ráp xe cơ sở đã được thử nghiệm hoặc chứng nhận.

(4) Chỉ áp dụng thử nghiệm và chứng nhận về khí thải đối với động cơ trong trường hợp nhà sản xuất nước ngoài có Đại diện hợp pháp tại Việt Nam hoặc cơ sở sản xuất động cơ trong nước sản xuất, lắp ráp động cơ để cung cấp cho cơ sở sản xuất ô tô tại Việt Nam.

(5) Áp dụng kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận riêng về các yêu cầu đối với thùng nhiên liệu chứa nhiên liệu lỏng sử dụng trên xe ô tô theo quy định liên quan về kết cấu an toàn chống cháy của xe cơ giới.

(6) Kiểm tra kết cấu an toàn chống cháy:

+ Đối với sản xuất, lắp ráp ô tô sát xi không buồng lái: Không áp dụng kiểm tra lắp đặt thùng nhiên liệu lên xe. Việc kiểm tra, thử nghiệm lắp đặt thùng nhiên liệu lỏng trên xe theo yêu cầu trong quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng kiểm tra đối với kiểu loại xe hoàn chỉnh được lắp ráp từ loại xe này;

+ Đối với ô tô sản xuất, lắp ráp từ ô tô cơ sở: Chỉ kiểm tra, thử nghiệm các yêu cầu về lắp đặt thùng nhiên liệu lỏng lên xe ô tô.

(7) Áp dụng kiểm tra đối với ô tô con, ô tô khách.

Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC IV**HẠNG MỤC VÀ ĐỐI TƯỢNG PHẢI KIỂM TRA, THỬ NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN**

STT	Hạng mục kiểm tra ^(*)	Đối tượng kiểm tra ^(***)		
		Ô tô	Rơ moóc và Sơ mi rơ moóc	Linh kiện ^(**)
1	Số nhận dạng (VIN)	-	X ⁽⁸⁾	-
2	Yêu cầu an toàn chung	X	X	-
3	Khối lượng và kích thước	X	X	-
4	Hệ thống phanh	X	X	-
5	Đèn chiếu sáng phía trước	X	-	X
6	Đèn tín hiệu	X	X	-
7	Đồng hồ đo tốc độ	X ⁽¹⁾	-	-
8	Còi	X	-	-
9	Khí thải	X ⁽²⁾	-	-
10	Độ ồn khi xe đỗ tại chỗ (không áp dụng đối với xe có động cơ đốt trong không hoạt động khi xe đỗ tại chỗ)	X	-	-
11	Kính an toàn	X	-	X
12	Gương chiếu hậu hoặc thiết bị quan sát phía sau	X	-	X
13	Lốp xe	X	X	X
14	Vành bánh xe (hợp kim nhẹ)	X ⁽³⁾	-	X ⁽³⁾
15	Kết cấu an toàn chống cháy của xe cơ giới	X ⁽⁴⁾	X	X
16	An toàn chống cháy của vật liệu sử dụng trong kết cấu nội thất xe cơ giới	X ⁽⁵⁾	-	X ⁽⁵⁾
14	Chạy thử	X ⁽⁶⁾	X ⁽⁶⁾	-

15	Thử kín nước	X ⁽⁷⁾	-	-
<p>Ghi chú:</p> <p>X Áp dụng;</p> <p>- Không áp dụng;</p> <p>(*) Theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định hiện hành;</p> <p>(**) + Áp dụng đối với linh kiện thay thế, linh kiện sử dụng lắp ráp xe cơ giới;</p> <p>+ Không áp dụng đối với linh kiện đã được lắp trên xe cơ giới nhập khẩu hoặc sản xuất, lắp ráp trong nước mà các xe này đã được kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận hoặc xuất xưởng theo quy định (xe cơ sở) khi thực hiện kiểm tra, chứng nhận các loại xe cơ giới sản xuất, lắp ráp từ các xe cơ sở này;</p> <p>(***) Đối với các yêu cầu kiểm tra thuộc hạng mục kiểm tra theo quy định, đối với xe sản xuất, lắp ráp từ xe cơ sở nhưng không có sự thay đổi so với xe cơ sở đã được kiểm tra, thử nghiệm, cấp Giấy chứng nhận hoặc xuất xưởng theo quy định thì chỉ thực hiện kiểm tra nhận dạng, tình trạng hoạt động, chỉ tiêu chất lượng trên thiết bị khi xuất xưởng (nếu có quy định);</p> <p>Các ghi chú khác:</p> <p>(1) Không áp dụng kiểm tra sai số đồng hồ tốc độ đối với xe cơ giới sản xuất từ xe cơ sở nếu không có sự thay đổi về kết cấu, cách thức hiện thị so với xe cơ sở;</p> <p>(2) Kiểm tra thử nghiệm khí thải theo phương pháp thử nhanh nếu đáp ứng được các yêu cầu về việc thừa nhận, mở rộng kết quả của xe cơ sở đã thử nghiệm và chứng nhận;</p> <p>(3) Áp dụng đối với ô tô con (nhóm M1), ô tô tải có khối lượng toàn bộ không quá 3,5 tấn (nhóm N1);</p> <p>(4) Không áp dụng kiểm tra, thử nghiệm đối với xe cơ giới sản xuất từ xe cơ sở;</p> <p>(5) Chỉ áp dụng đối với ô tô khách có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 5 tấn và số người cho phép chở (kể cả người lái) trên 22 người (không áp dụng đối với ô tô khách thành phố);</p> <p>(6) Không áp dụng đối với xe sản xuất từ xe cơ sở nếu không có sự thay đổi các kết cấu, hệ thống, tổng thành chính liên quan đến an toàn đã lắp trên xe cơ sở; Việc kiểm tra chạy thử trên đường chỉ thực hiện để kiểm tra, đánh giá đối với các hạng mục có sự thay đổi so với xe cơ sở và các ảnh hưởng liên quan (nếu có);</p> <p>(7) Áp dụng kiểm tra đối với xe chở người; không áp dụng đối với trường hợp xe sản xuất từ ô tô cơ sở không có sự thay đổi về thân vỏ xe làm ảnh hưởng đến độ kín của xe.</p> <p>(8): Không áp dụng đối với trường hợp xe được sản xuất từ xe cơ sở đã có số khung;</p>				

Phụ lục 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC VII**DANH MỤC CÁC THIẾT BỊ TỐI THIỂU CẦN THIẾT ĐỂ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG XUẤT
XUỞNG XE CƠ GIỚI**

TT	Tên thiết bị	Cơ sở sản xuất ⁽¹⁾	
		Ô tô	Rơ moóc và Sơ mi rơ moóc
1	Thiết bị kiểm tra độ trượt ngang	X	-
2	Thiết bị kiểm tra góc đặt bánh xe	X ⁽²⁾	-
3	Thiết bị kiểm tra góc quay lái của bánh xe dẫn hướng	X	-
4	Thiết bị kiểm tra lực phanh	X	X
5	Thiết bị kiểm tra sai số đồng hồ tốc độ	X ⁽³⁾	-
6	Thiết bị kiểm tra đèn pha (kiểm tra được cường độ sáng và độ lệch chùm sáng)	X	-
7	Thiết bị kiểm tra khí thải	X	-
8	Thiết bị kiểm tra âm lượng còi và độ ồn	X	-
9	Thiết bị phun mưa kiểm tra độ kín nước từ bên ngoài	X ⁽⁴⁾	X
10	Cầu nâng hoặc hầm kiểm tra gầm xe ⁽⁵⁾	X	-

Ghi chú:

x: Áp dụng (Việc trang bị các thiết bị kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo danh mục nêu trên phải phù hợp với loại xe được sản xuất, lắp ráp tại cơ sở sản xuất);

- : Không áp dụng;

⁽¹⁾ Các cơ sở sản xuất xe cơ giới từ xe cơ sở đã được kiểm tra, cấp giấy chứng nhận có thể kiểm tra xe bằng thiết bị tại các Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới;

⁽²⁾ Áp dụng bắt buộc đối với các cơ sở sản xuất các loại xe có hệ thống treo độc lập; Không bắt buộc áp dụng đối với các cơ sở sản xuất từ xe cơ sở nhưng trong quá trình sản xuất không tác động, thay đổi liên quan đến góc đặt bánh xe;

⁽³⁾ Không áp dụng đối với các cơ sở sản xuất, lắp ráp các loại xe từ ô tô cơ sở (trừ ô tô sát xi không có buồng lái);

- (4) Áp dụng bắt buộc đối với các cơ sở sản xuất các loại xe chở người; không bắt buộc áp dụng đối với các cơ sở sản xuất xe từ xe cơ sở chở người và quá trình sản xuất xe không làm thay đổi kết cấu thân vỏ xe, không làm ảnh hưởng đến độ kín của xe cơ sở;
- (5) Đối với các cơ sở sản xuất xe từ ô tô cơ sở, có các bàn trượt hỗ trợ kiểm tra gầm xe hoặc thiết bị có tính năng tương tự thì cho phép sử dụng thiết bị này thay thế cầu nâng hoặc hầm kiểm tra gầm xe.

Phụ lục 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC IX

CÁC NỘI DUNG GIÁM SÁT KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG XUẤT XƯỞNG

Stt	Các hạng mục giám sát	Ô tô chở người	Ô tô chở hàng	Rơ moóc Sơ mi rơ moóc	Yêu cầu
1	Các thông số cơ bản (kích thước bao, khối lượng bản thân) ⁽¹⁾	X	X	X	Phù hợp với thiết kế đã được thẩm định và tiêu chuẩn hiện hành
2	Hệ thống chiếu sáng và tín hiệu (chủng loại, lắp đặt, tình trạng hoạt động)	X	X	X	
3	Chỗ làm việc và tầm nhìn của người lái (tầm quan sát phía trước, kính chắn gió, gương chiếu hậu)	X	X	-	
4	Khoang hành khách (các kích thước và bố trí ghế, cửa lên xuống, lối thoát khẩn cấp, các trang thiết bị an toàn trong xe)	X	-	-	
5	Thùng hàng (các kích thước, lắp đặt, hoạt động cơ cấu tự đổ)	-	X	X	
6	Động cơ (kiểu loại, lắp đặt, tình trạng hoạt động)	X	X	-	
7	Hệ thống phanh (kiểu loại, lắp đặt, tình trạng hoạt động)	X	X	X	
8	Hệ thống truyền lực (kiểu loại, lắp đặt, tình trạng hoạt động)	X	X	-	
9	Hệ thống lái (kiểu loại, lắp đặt, tình trạng hoạt động)	X	X	-	
10	Bánh xe (kiểu loại, lắp đặt, tình trạng hoạt động)	X	X	X	
11	Hệ thống treo (kiểu loại, lắp đặt, tình trạng hoạt động)	X	X	X	

12	Kiểm tra các chỉ tiêu tổng hợp liên quan đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (độ trượt ngang của bánh xe dẫn hướng, lực phanh trên các trục, lực phanh đỗ xe, sai số đồng hồ tốc độ (nếu có sự thay đổi về kết cấu, cách thức hiện thị so với xe cơ sở), cường độ và độ lệch sáng đèn chiếu sáng phía trước, khí thải, âm lượng còi, độ ồn đỗ tại chỗ) ⁽²⁾	X	X	X	Phù hợp với các chỉ tiêu chất lượng đã đăng ký và tiêu chuẩn hiện hành
13	Kiểm tra chạy thử trên đường ⁽²⁾	X	X		
14	Kiểm tra độ kín nước từ bên ngoài xe ⁽³⁾	X	-	-	

Ghi chú: Các mục đánh dấu “x” là phải kiểm tra, đánh dấu “-” là không kiểm tra; ⁽¹⁾ - Giám sát kiểm tra với xác suất 5%; ⁽²⁾ - Chạy thử chỉ thực hiện khi phát lỗi liên quan đến chất lượng lắp ráp giữa các chi tiết, cụm chi tiết hoặc xe có tiếng kêu lạ và cơ sở sản xuất có trách nhiệm đảm bảo an toàn trong quá trình chạy thử; ⁽³⁾ – Kiểm tra độ kín nước từ bên ngoài đối với xe ô tô con, xe khách chỉ thực hiện đối với trường hợp xe có sự thay đổi liên quan kết cấu thân vỏ xe ảnh hưởng đến độ kín của xe.

Phụ lục 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC XI

MẪU BIÊN BẢN GHI NHẬN TÌNH TRẠNG XE CHỖ NGƯỜI BÓN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ VI PHẠM QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ/...../NĐ-CP

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN GHI NHẬN TÌNH TRẠNG XE CHỖ NGƯỜI BÓN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ NHẬP KHẨU VI PHẠM QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ/...../NĐ-CP

Theo đề nghị của:

Hôm nay, ngày tháng năm, tại

Cục Đăng kiểm Việt Nam đã tiến hành kiểm tra phương tiện sau:

- Nhân hiệu / số loại:
- Số khung: Số động cơ:
- Số đăng ký kiểm tra: Số tờ khai:

Căn cứ vào kết quả kiểm tra, các giấy tờ có liên quan và đối chiếu với quy định hiện hành, Cục Đăng kiểm Việt Nam nhận thấy phương tiện nêu trên đã vi phạm quy định tại Nghị định số/...../NĐ-CP ngày/...../..... của Chính phủ, cụ thể là:

.....
.....
.....

Biên bản này được lập thành hai (02) bản chính, cơ quan kiểm tra chất lượng giữ một (01) bản và tổ chức, cá nhân nhập khẩu giữ một (01) bản.

**Đại diện tổ chức, cá nhân
nhập khẩu**

Đại diện cơ quan kiểm tra

Phụ lục 6

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC XII

**MẪU THÔNG BÁO
XE CHỖ NGƯỜI BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ NHẬP KHẨU VI PHẠM NGHỊ
ĐỊNH/...../NĐ-CP**

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số (N^o):

**THÔNG BÁO
XE CHỖ NGƯỜI BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ NHẬP KHẨU
VI PHẠM NGHỊ ĐỊNH SỐ/20..../NĐ-CP**

(Notice of Imported Low-speed Vehicles's violation of Decree N^o/20...../NĐ-CP)

Tình trạng xe chỗ người bốn bánh có gắn động cơ (Vehicle's status):

Người nhập khẩu (Importer):

Địa chỉ (Address):

Loại xe (Vehicle's type):

Nhãn hiệu (Trade mark):

Tên thương mại (Commercial name):

Mã kiểu loại (Model code):

Số khung (Chassis No):

Số động cơ (Engine No):

Nước sản xuất (Production country):

Năm sản xuất (Production year):

Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày (Customs declaration No/date):

/

Thời gian/Địa điểm kiểm tra (Inspection date/site):

/

Số biên bản kiểm tra (Inspection record N^o):

Số đăng ký kiểm tra (Registered No for inspection):

Xe chỗ người bốn bánh có gắn động cơ nhập khẩu nêu trên vi phạm Nghị định số/20..../NĐ-CP ngày .../.../20.... của Chính phủ.

This Imported Low-speed Vehicles has been violated to the/20..../NĐ-CP Decree issued by Vietnam Government on, 20.....

Nội dung vi phạm (Description of Violation):

(Date) , ngày tháng năm

Cơ quan kiểm tra

(Inspection body)

Nơi nhận (Destination):

Ghi chú: Màu sắc và hoa văn trên Giấy chứng nhận do Cục Đăng kiểm Việt Nam quy định cụ thể

Phụ lục 7

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao
thông vận tải)

PHỤ LỤC XVII
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CẢI TẠO

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
CHI CỤC ĐĂNG KIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CẢI TẠO

Căn cứ vào hồ sơ thiết kế số:

Căn cứ vào kết quả thẩm định tại biên bản thẩm định số:

CHI CỤC ĐĂNG KIỂM

Chứng nhận:

Ký hiệu thiết kế:

Cơ sở thiết kế:

Địa chỉ:

Loại xe máy chuyên dùng:

Nhãn hiệu:

Số khung:

Số động cơ:

Biển số đăng ký: *(nếu đã được cấp)*

Chủ phương tiện

Địa chỉ:

ĐÃ ĐƯỢC CHI CỤC ĐĂNG KIỂMTHẨM ĐỊNH

(Nội dung chính của bản thiết kế cải tạo)

....., ngày tháng năm

CHI CỤC ĐĂNG KIỂM

Phụ lục 8

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**PHỤ LỤC XVIII
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG CẢI TẠO—**

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
CHI CỤC ĐĂNG KÝ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG CẢI TẠO**

*(Cấp theo Thông tư số /2015/TT-BGTVT ngày tháng năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Liên:

Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế cải tạo số:

Loại xe máy chuyên dùng:

Nhãn hiệu:

Số khung:

Số động cơ:

Biển số đăng ký: *(nếu đã được cấp)*

Chủ phương tiện

Địa chỉ:

Cơ sở cải tạo:

Địa chỉ:

Biên bản kiểm tra số:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

(Được cập nhật theo từng loại xe máy chuyên dùng)

Chiếc xe trên thỏa mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng.

Ghi chú:

....., ngày tháng năm
CHI CỤC ĐĂNG KÝ